

Bản án số: 62/2020/HSST  
Ngày 13/05/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Long

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Tương Phục

2. Bà Nguyễn Thị Dung

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* bà Lê Thị Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện K - thành phố Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K- thành phố Hà Nội, tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 62/2020/HSST ngày 22/04/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/QĐXXST-HS ngày 24/4/2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đàm Thị N** sinh năm: 1986. Nơi cư trú: Đ, T, Đ, Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Nùng. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 6/12. Bố: Đàm Văn T sinh năm 1952. Mẹ: Nguyễn Thị X sinh năm 1958. Gia đình có 05 anh, em, bị cáo là con thứ tư. Chồng: Nguyễn Quang Tuyên (Đã chết). Có 02 con, lớn sinh 2010, nhỏ sinh 2013. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường khẩn cấp ngày 29/12/2019, tạm giữ hình sự từ ngày 29/12/2019 đến ngày 07/01/2020 hủy bỏ tạm giữ. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**Những người làm chứng:**

1. Chị Nguyễn Thị Y – Sinh 1988, trú tại: M, C, J, Thái Nguyên. Vắng mặt tại phiên tòa.

2 Anh Nguyễn Ngọc T – Sinh 1974, trú tại: D, Xã V, K. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Chị Đỗ Thị N1 – Sinh 1979, trú tại: Sơn E, huyện R, Thái Nguyên . Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh Lê Đức T – Sinh 1974, trú tại: T Dương, Kiều Ky, K, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 45 phút và 16 giờ 15 phút ngày 29/12/2019, tổ công tác Đội CSHS – Công an huyện K kiểm tra hành chính nhà nghỉ M tại địa chỉ số 251 đường G, G, K, Hà Nội. Qua kiểm tra phát hiện tại phòng 301 có Nguyễn Thị Y – Sinh 1988, trú tại: M, C, Đ, Thái Nguyên và Nguyễn Ngọc T – Sinh 1974, trú tại: D, D, K đang thực hiện hành vi mua bán dâm; Tại phòng 302 có Đỗ Thị N1 – Sinh 1979, trú tại: Sơn Cầm, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên và Lê Đức T – Sinh 1974, trú tại: T Dương, Kiều Ky, K đang thực hiện hành vi mua bán dâm. Các đối tượng Y, Ngọc T, N1 và Đức T khai nhận việc mua bán dâm do Đàm Thị N thỏa thuận môi giới cho khách mua dâm và gái bán dâm thực hiện hành vi mua bán dâm. Qua truy xét, đã xác định Đàm thị N là người thực hiện hành vi Môi giới mại dâm, Cơ quan CSĐT – Công an huyện K đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với N để điều tra.

Vật chứng thu giữ: 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su đã xé rách (do Nguyễn Thị Y giao nộp); 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu EROS (thu giữ tại phòng 302). Ngoài ra còn tạm giữ Đàm Thị N số tiền 2.900.000 đồng (hai triệu chín trăm nghìn đồng) và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime màu hồng.

Theo Đàm Thị N cùng Nguyễn Ngọc T, Lê Đức T và gái bán dâm Đỗ Thị N1, Nguyễn Thị Y, khai nhận: Ngày 29/12/2019, sau khi ăn trưa xong, Ngọc T và

Đức T rủ nhau đi mua dâm và thống nhất Ngọc T là người trả tiền mua dâm, hết bao nhiêu thì chia đôi mỗi người chịu một nửa. Sau đó, do Ngọc T có mối quan hệ quen biết với N và biết N sẽ liên hệ được với gái bán dâm nên Ngọc T gọi điện thoại liên hệ bảo N môi giới cho hai gái bán dâm đến khu vực G, K, để quan hệ tình dục với Ngọc T và Lê Đức T, N đồng ý và thỏa thuận, thống nhất với Ngọc T giá tiền mua dâm là 1.000.000 đồng/người/1 lần, tiền công N môi giới là 400.000 đồng, Ngọc T sẽ đưa tiền cho N để N trực tiếp trả tiền cho gái bán dâm. Ngọc T hẹn gặp N và gái bán dâm ở quán cà phê Phố ở khu đô thị 31ha, thị trấn G, K, Hà Nội. Sau đó, N gọi điện thoại bảo Y và N1 đi xuống Hà Nội bán dâm, N thỏa thuận với N1 và Yên: N là người thu tiền của khách mua dâm, sau khi Y và N1 bán dâm cho khách xong, N có trách nhiệm thanh toán cho Y và N1 mỗi người 1.000.000 đồng (tiền công bán dâm), N1 và Yên đồng ý đi cùng N xuống Hà Nội để bán dâm. Sau đó N, N1 và Y đi taxi từ Thái Nguyên đến quán cà phê Phố ở khu đô thị 31ha, thị trấn G, K, Hà Nội gặp Ngọc T, Đức T và anh Lê Đức Bình – Sinh 1983, trú tại: Du Nội, O, J, Hà Nội (là bạn của Ngọc T) đang ngồi uống nước cùng nhau. Tại đây, Ngọc T đưa cho N số tiền 2.900.000 đồng bao gồm: 2.000.000 đồng tiền mua dâm (Mua dâm cho 02 người), 400.000 đồng tiền công N môi giới, còn 500.000 đồng là tiền Ngọc T cho N trả tiền thuê xe taxi. N nhận 2.900.000 đồng của Ngọc T xong bảo Y và N1 đi cùng Ngọc T và Đức T đến nhà nghỉ để thực hiện hành vi mua bán dâm, còn N vẫn ngồi uống nước tại quán cà phê. Sau đó Ngọc T chở Y, Đức T chở N1 đến nhà nghỉ M ở số 251 đường G, G, K, Hà Nội gặp chị Hoàng Thị L – Sinh 1969, trú tại: Tổ dân phố Cửu, G, K, Hà Nội ở quây lễ tân, Y và Ngọc T thuê phòng 301 còn N1 và Đức T thuê phòng 302. Khi Ngọc T và Y, Đức T và N1 đang thực hiện hành vi mua bán dâm (đang quan hệ tình dục) tại phòng 301 và phòng 302, thì lực lượng Công an vào kiểm tra phát hiện thu giữ cùng vật chứng. Lời khai nhận tội của bị can N, lời khai của người mua dâm Nguyễn Ngọc T và Lê Đức T, lời khai của gái bán dâm Nguyễn Thị Y và Đỗ Thị N1 phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người liên quan, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với người mua dâm Nguyễn Ngọc T, Lê Đức T và người bán dâm Đỗ Thị N1, Nguyễn Thị Y. Ngày 06/3/2020, Công an huyện K ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Ngọc T, Lê Đức T, Đỗ Thị N1 và Nguyễn Thị Y về hành vi mua bán dâm.

Đối với Nhà nghỉ M, quá trình điều tra làm rõ: Nhà nghỉ M do ông Lê Văn T sinh 1964, trú tại: Tổ dân phố An Đào, G, K làm chủ, đứng tên trong giấy đăng ký kinh doanh. Năm 2017, ông T cho chị Hoàng Thị Lan sinh 1969, trú tại: Tổ dân phố Cửu Việt, G, K, Hà Nội thuê từ đầu năm 2017, chị Lan quản lý kinh doanh Nhà nghỉ M từ đó cho đến nay. Ngày 29/12/2019, khi cho Nguyễn Thị Y và Ngọc T thuê phòng 301, Đỗ Thị N1 và Lê Đức T thuê phòng 302, chị Lan không biết việc họ thuê phòng nghỉ để thực hiện hành vi mua bán dâm.

Đối với số tiền 2.900.000 (hai triệu chín trăm nghìn) đồng thu giữ của bị can Đàm Thị N, quá trình điều tra làm rõ: Số tiền trên là của Nguyễn Ngọc T trả cho Đàm Thị N bao gồm: 2.000.000 đồng tiền mua dâm, 400.000 đồng tiền công môi giới và 500.000 đồng tiền taxi.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime màu hồng thu giữ của Đàm Thị N, quá trình điều tra làm rõ chiếc điện thoại trên thuộc quyền sở hữu của Đàm Thị N, ngày 29/12/2019, N sử dụng chiếc điện thoại trên để liên lạc môi giới mại dâm.

Tại bản cáo trạng số 64/CT ngày 17/04/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo **Đàm Thị N** phạm tội “ Môi giới mại dâm” theo điểm đ khoản 2 điều 328 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng nêu là đúng. Bị cáo thừa nhận ngày 29/12/2019, Ngọc T có điện thoại liên hệ với bị cáo nhờ bị cáo giới thiệu cho hai gái bán dâm, bị cáo đồng ý và thỏa thuận với Ngọc T, thống nhất với Ngọc T giá tiền mua dâm là 1.000.000 đồng/người/1 lần, tiền công N môi giới là 400.000 đồng, Ngọc T sẽ đưa tiền cho N để N trực tiếp trả tiền cho gái bán dâm. Sau khi thống nhất thì bị cáo cùng N1 và Y là gái bán dâm đi taxi từ Thái Nguyên đến quán cà phê Phố ở khu đô thị 31ha, thị trấn G, K, Hà Nội gặp Ngọc T, Đức T và anh Lê Đức Bình sinh 1983, trú tại: Du

Nội, O, J, Hà Nội (là bạn của Ngọc T) đang ngồi uống nước cùng nhau. Tại đây, Ngọc T đưa cho N số tiền 2.900.000 đồng bao gồm: 2.000.000 đồng tiền mua dâm (Mua dâm cho 02 người), 400.000 đồng tiền công N môi giới, còn 500.000 đồng là tiền Ngọc T cho N trả tiền thuê xe taxi. N nhận 2.900.000 đồng của Ngọc T xong bảo Y và N1 đi cùng Ngọc T và Đức T đến nhà nghỉ để thực hiện hành vi mua bán dâm, còn N vẫn ngồi uống nước tại quán cà phê đợi. Trong khi N1 và Y đang thực hiện hành vi mua bán dâm với Ngọc T và Đức T thì bị công an kiểm tra tạm giữ và bắt giữ bị cáo. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K sau khi luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo **Đàm Thị N** và đề nghị: Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 328; điểm s khoản 1 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Đàm Thị N** từ 36 - 42 tháng tù; Vật chứng vụ án: tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su hiệu EROS cho tiêu hủy; 01 điện thoại Samsung J7 Prime màu hồng dùng vào việc phạm tội và số tiền 2.900.000 đồng thu lời bất chính cho tịch thu sung công. Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, cũng như hành vi của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Theo N khai do có quen biết từ trước giữa bị và Ngọc T nên ngày 29/12/2019, Ngọc T gọi điện thoại liên hệ bảo N môi giới cho hai gái bán dâm đến khu vực G, K, để quan hệ tình dục với Ngọc T và Lê Đức T, bị cáo đã đồng ý và thỏa thuận, thống nhất với Ngọc T giá tiền mua dâm là 1.000.000 đồng/người/1 lần, tiền công N môi giới là 400.000 đồng, tiền xe tắc xi là 500.000 đồng. N đã môi

giới cho Đỗ Thị N1 bán dâm cho Lê Đức T và Nguyễn Thị Y bán dâm cho Ngọc T tại nhà nghỉ M, thị trấn G, trong lúc đang mua bán dâm thì bị kiểm tra bắt giữ cùng vật chứng như đã nêu.

[3] Xét lời khai của bị cáo phù hợp với báo cáo kết quả khám xét, lời khai của những người làm chứng, các tang tài vật được thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận bị cáo **Đàm Thị N** có hành môi giới để Đỗ Thị N1 bán dâm cho Lê Đức T và Nguyễn Thị Y bán dâm cho Ngọc T ngày 29/12/2019. Do vậy hành vi của bị cáo đủ cấu thành tội “Môi giới mại dâm” đối với 02 người trở lên theo điểm đ khoản 2 Điều 328 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy Viện kiểm sát truy tố hành vi phạm tội đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý công cộng của nhà nước, xâm phạm đến đạo đức xã hội, nếp sống văn minh XHCN, nó là nguyên nhân lây truyền các loại vi rút gây bệnh nguy hiểm như giang mai, hoa liễu và đặc biệt là căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS. Trong lúc Đảng, Nhà nước ta kiên quyết đấu tranh loại bỏ các tệ nạn mại dâm, ma túy ra khỏi đời sống xã hội thì bị cáo tuy có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng vì mục đích vụ lợi cá nhân bị cáo vẫn lao vào con đường phạm tội. Xét hành vi, tính chất, mức độ tội phạm, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù trong khung hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Song khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo đã có thái độ khai báo thành khẩn tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, điều kiện hoàn cảnh của bị cáo chồng đã chết, hiện nuôi hai con nhỏ và có thai để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo là phù hợp pháp luật.

Ngoài hình phạt chính đáng ra cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo song xét thấy hiện bị cáo hiện không có nghề nghiệp ổn định nên xem xét miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Vật chứng vụ án: tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su hiệu EROS cho tiêu hủy; 01 điện thoại Samsung J7 Prime màu hồng dung vào việc phạm tội và số tiền 2.900.000đồng thu lời bất chính cho tịch thu sung công.

[6] Đối với hành vi mua dâm của Nguyễn Ngọc T, Lê Đức T và người bán dâm Đỗ Thị N1, Nguyễn Thị Y cơ quan Công an đã ra quyết định xử phạt hành chính là thỏa đáng. Đối với chị Hoàng Thị Lan quản lý kinh doanh nhà nghỉ M, khi

cho Nguyễn Thị Y và Ngọc T thuê phòng 301, Đỗ Thị N1 và Lê Đức T thuê phòng 302, chị Lan hoàn toàn không biết việc họ thuê phòng nghỉ để thực hiện hành vi mua bán dâm nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với chị Lan là có căn cứ.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Bởi những lẽ trên*

## QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Đàm Thị N** phạm tội “Môi giới mại dâm”

1-Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: **Đàm Thị N 36 (ba mươi sáu)** tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 29/12/2019 đến ngày 07/01/2020.

Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

2-Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vật chứng vụ án: tịch thu tiêu huỷ 02 bao cao su; 02 vỏ bao cao su hiệu EROS đã qua sử dụng; Tịch thu sung công: 01 điện thoại Samsung J7 Prime màu hồng và số tiền 2.900.000đồng. Hiện vật chứng nêu trên đang được Chi cục thi hành án dân sự huyện K quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 27/04/2020 và biên lai thu tiền số 1786 ngày 11/05/2020.

3- Áp dụng điều 99; điều 231; điều 232; điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- UBND xã, phường, thị trấn;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Công an huyện K;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Quang Long**